TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2023/DS-PT
Ngày: 09-5-2023
V/v tranh chấp: "Chia thừa kế quyền sử dụng đất, chia thừa kế theo di chúc, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Chia thừa kế quyền sử dụng đất, chia thừa kế theo di chúc, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 505/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Đường L, phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, Luật sư Công ty Luật I, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Minh Đ1, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Ngọc H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Bá T1, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, Phường H, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ S, ấp MA, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Cụ Lê Thị B, sinh năm 1932 (chết năm 2021);

6. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

7. Anh Lê Minh T3, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Mai Thị T4, sinh năm 1979 (vắng mặt);

9. Ông Lý Hoàng L1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Thanh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

******* *Nguyên đơn ông Lê Thanh Đ trình bày:*

Cụ Lê Văn L2 có hai người vợ là cụ Lê Thị B và cụ Nguyễn Thị H2, không có đăng ký kết hôn. Cụ L2 chết ngày 05/3/2005, cụ H2 chết ngày 19/8/2021, cụ Lê Thị B chết năm 2021. Cụ L2 và cụ B có 05 người con gồm: Ông Lê Văn T5 (chết năm 1973, không vợ con), ông Lê Bá T1, bà Lê Thị T2, ông Lê Minh Đ1, bà Lê Thị H1. Cụ L2 và cụ H2 có 02 người con gồm: Bà Lê Thị L và bà Lê Thị H3 (đã chết lúc nhỏ). Khi cụ Lê Văn L2 chết không để lại di chúc. Phần di sản cụ L2 để lại bao gồm các phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích như sau:

- Thửa số 2791, diện tích 5.393,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Lê Minh Đ1 quản lý.

- Thửa số 2792, diện tích 925,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa hiện do ông Lê Minh Đ1 quản lý.

Nay, ông Lê Thanh Đ yêu cầu:

- Công nhận di sản thừa kế của cụ L2 là thửa 2791, 2792 có diện tích 6.318m^2 và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Lê Văn L2 làm 06 kỷ phần cho: Ông Lê Bá T1, ông Lê Thanh Đ, ông Lê Minh Đ1, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị L, mỗi người nhận khoảng 526,5m^2.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC182685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận "H"0H828 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2005 đối với thửa đất số 2791, diện tích 5.393,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Lê Minh Đ1 quản lý.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC182684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận "H"0H827 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2005 đối với thửa đất số 2792, diện tích 925,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa hiện do ông Lê Minh Đ1 quản lý.

** Bị đơn ông Lê Minh Đ1 trình bày:*

Cha ông là cụ Lê Văn L2, sinh năm 1931, chết năm 2005. Khi còn sống, cụ L2 có khoảng 6.000m^2 đất tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 1992, cụ L2 bán cho bà Lê Thị Bé E diện tích 2.000m^2 nằm trong tổng diện tích 6.000m^2. Năm 1993, tuổi già sức yếu, cụ L2 đã bán cho ông phần đất còn lại hơn 4.000m^2 được quy ra giá vàng, một cây một công, ông được làm chủ quyền sau khi cụ L2 chết nhưng phải làm tròn nghĩa vụ của người con là chăm sóc cụ L2, có sự chứng kiến của ông Lê Bá T1, ông Lê Văn T6, ông Lê Văn C. Năm 1996, bà Lê Thị Bé E ở xa không thuận tiện cho việc canh tác phần đất đã mua của cụ L2 nên bà Bé E bán lại cho ông với giá 28 chỉ vàng 24K có sự chứng kiến của ông Lê Văn L3. Ông đã quản lý, canh tác và xây dựng nhà kiên cố trên phần đất hơn 6.000m^2. Sau khi cụ L2 chết, ông đã liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2791, diện tích 5.393,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận "H"0H828 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2005 cho hộ ông Lê Minh Đ1 và thửa số 2792, diện tích 925,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận "H"0H827 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2005 cho hộ ông Lê Minh Đ1.

Nay, ông Lê Thanh Đ yêu cầu công nhận thửa 2791, thửa 2792 là di sản của cụ L2, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật làm 06 phần và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2791 và thửa 2792 thì ông không Đ1 ý vì đất này có 2.000m^2 ông mua từ bà Bé E, phần đất còn lại là di sản thừa kế theo di chúc của cụ L2. Ông có yêu cầu phản tố, ông yêu cầu công nhận di sản theo di chúc của cụ L2 là hợp pháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bá T1 trình bày:*

Ông là con của cụ Lê Văn L2. Sinh thời cụ L2 tạo lập quyền sử dụng đất có diện tích 6.318m^2 thuộc thửa 2791 và thửa 2792 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 1992, cụ L2 bán cho bà Bé E phần đất diện tích 2.000m^2 thuộc phần đất trên. Năm 1993, cụ L2 bán cho ông Lê Minh Đ1 diện tích 4.000m^2, giá bán 01 cây vàng 24K/công, hàng tháng ông Đ1 trả dần số vàng này cho cụ L2. Khi cụ L2 ký giấy bán đất cho ông Đ1 có sự chứng kiến của ông. Ông Đ1 đã quản lý canh tác phần đất này từ năm 1993 đến nay. Sau đó, bà Lê Thị Bé E bán lại cho ông Đ1 diện tích đất 2.000m^2. Sau khi cụ L2 chết thì ông Đ1 mới thực hiện thủ tục đăng ký kê khai sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 2791 và thửa 2792. Nay, ông Lê Thanh Đ yêu cầu chia thừa kế hai thửa đất trên, ông không Đ1 ý và không yêu cầu chia di sản của cụ L2 vì cụ L2 đã bán hết hai thửa đất trên.

****** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L trình bày:*

Cụ Lê Văn L2 có hai người vợ là cụ Lê Thị B và cụ Nguyễn Thị H2, không có đăng ký kết hôn. Cụ L2 chết ngày 05/3/2005, cụ H2 và cụ B chết năm 2021. Cụ L2 và cụ B có 05 người con gồm: Ông Lê Văn T5 (chết năm 1973, không vợ con), ông Lê Bá T1, bà Lê Thị T2, ông Lê Minh Đ1 và bà Lê Thị H1. Cụ L2 và cụ H2 có 02 người con gồm: Bà Lê Thị L và bà Lê Thị H3 (đã chết lúc nhỏ). Khi cụ Lê Văn L2 chết không để lại di chúc. Phần di sản cụ L2 để lại bao gồm các phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích như sau:

- Thửa số 2791, diện tích 5.393,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Lê Minh Đ1 quản lý.

- Thửa số 2792, diện tích 925,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa hiện do ông Lê Minh Đ1 quản lý.

Nay bà L, bà T2 yêu cầu:

- Chia di sản thừa kế của cụ L2 là thửa 2791, 2792 có diện tích 6.318m^2 làm 06 kỷ phần cho: Ông Lê Bá T1, ông Lê Thanh Đ, ông Lê Minh Đ1, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị L, mỗi người nhận khoảng 526,5m^2.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC182685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận "H"0H828 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2005 đối với thửa đất số 2791, diện tích 5.393,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Lê Minh Đ1 quản lý.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC182684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận "H"0H827 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2005 đối với thửa đất số 2792, diện tích 925,0m^2 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa hiện do ông Lê Minh Đ1 quản lý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T4 trình bày:*

Bà là người mướn đất của ông Lê Minh Đ1, thời hạn mướn đất từ tháng 5/2017 (âm lịch) đến tháng 5/2025. Bà mướn hai thửa hơn 6.000m^2. Thời điểm mướn là đất ruộng, bà đã lên liếp trồng mít. Giá mướn đất ruộng 3.500.000 đồng/công/năm, giá đất vườn 3.000.000 đồng/công/năm. Bà đã trả đủ tiền thuê đất cho bà N, ông Đ1. Nay, ông Lê Thanh Đ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất bà không tranh chấp gì, bà yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê đất vì bà đã trả đủ tiền thuê đất. Bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến:*

Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân huyện C sẽ vắng mặt cho đến khi kết thúc việc xét xử. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 5, Điều 6, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 652 và Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 652 và Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh Đ về việc công nhận thửa đất số 2791, thửa 2792 (nay là thửa 350, thửa 6, thửa 326) tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản cụ Lê Văn L2 chết không để lại di chúc, chia thừa kế theo pháp luật và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất "H"0H827, "H"0H828 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2005 cho hộ ông Lê Minh Đ1.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Minh Đ1.

- Di chúc cụ Lê Văn L2 cho đất ông Lê Minh Đ1 ngày 02/02/1993 là hợp pháp.

- Công nhận thửa đất 2791, thửa 2792 là di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lê Văn L2 cho ông Lê Minh Đ1.

3. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 07/10/2022, nguyên đơn ông Lê Thanh Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 12/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm (đơn đề ngày 10/10/2022),

yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà về việc yêu cầu chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Thanh Đ có ý kiến tranh luận: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu phản tố là yêu cầu công nhận di chúc của cụ L2, đối với việc thay đổi yêu cầu phản tố của bị đơn chưa được cấp sơ thẩm thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng, chưa được thụ lý, hòa giải xét xử, không được công khai tài liệu chứng cứ là yêu cầu công nhận di chúc vậy là di chúc nào các đương sự hoàn toàn không biết. Bản án sơ thẩm công nhận tờ giấy lập ngày 02/3/1993 là di chúc là hoàn toàn trái với ý nghĩa của nội dung tờ giấy lập ngày 02/3/1993. Đơn xin từ chối thừa kế lập ngày 06/5/2005 nhưng Trưởng ấp lại ký xác nhận ngày 05/5/2005 là không phù hợp pháp luật vì Trưởng ấp lại xác nhận trước ngày lập đơn xin từ chối thừa kế của cụ B. Do án sơ thẩm có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Minh Đ1 có ý kiến tranh luận: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn có thay đổi yêu cầu phản tố là yêu cầu công nhận di sản của cụ L2 theo tờ di chúc lập ngày 02/3/1993, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa có hỏi các đương sự có yêu cầu ngừng phiên tòa để tiến hành hòa giải lại hay không thì các đương sự không yêu cầu. Án sơ thẩm đã điều tra làm rõ là cụ L2 sống một mình vào năm 1993 nên mới để lại tài sản cho ông Đ1 với điều kiện là ông Đ1 chăm sóc cho cụ L2 và ông Đ1 đã thực hiện đúng. Cụ L2 bán cho bà Lê Thị Bé E 02 công đất, đến năm 1996, bà Bé E bán lại cho ông Đ1 giá 28 chỉ vàng 24K. Cụ Lê Thị B đã có đơn xin từ chối nhận di sản, đây là đất cá nhân cụ L2, cụ được toàn quyền quyết định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu công nhận di sản theo di chúc của cụ L2 là 4,5 công, phần đất còn lại ông Đ1 nhận chuyển nhượng từ bà Bé E; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tại Đơn phản tố của ông Đ1 là yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai thửa 2791, 2792 giữa ông Đ1 và cụ L2, tại phiên tòa sơ thẩm lại yêu cầu nhận di sản của cụ L2 theo di chúc là tờ giấy lập ngày 02/02/1993 là vượt quá yêu cầu phản tố. Cụ L2 có hai người vợ là cụ H2 và cụ B đều chung sống trước năm 1986, nhưng án sơ thẩm không

đưa cụ H2 vào tham gia tố tụng là vi phạm; cụ B đã chết nhưng án sơ thẩm chưa đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ B vào tham gia tố tụng; án sơ thẩm chưa điều tra làm rõ tài sản tranh chấp là của cá nhân cụ L2 hay tài sản chung của vợ chồng, mà xác định là tài sản của cá nhân cụ L2 là chưa có căn cứ; Giấy ủy quyền ngày 03/01/2018 không có ủy quyền cho ông Đ1 tham gia tố tụng nhưng án sơ thẩm lại căn cứ vào Giấy ủy quyền ngày 03/01/2018 để xác định cụ B, bà H1, bà N, anh T3 đã ủy quyền cho ông Đ1 là vi phạm. Do án sơ thẩm có nhiều vi phạm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H1, Lê Minh T3 vắng mặt, Mai Thị T4, Lý Hoàng L1, Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1, anh T3, bà T4, ông L1, Ủy ban theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Chia thừa kế theo pháp luật, chia thừa kế theo di chúc, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" là chưa chính xác, còn thiếu vì bị đơn có yêu cầu phản tố là yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chưa có yêu cầu hay ý kiến nào là rút lại yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, án sơ thẩm xác định thiếu quan hệ tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Lê Thanh Đ với bị đơn ông Lê Minh Đ1 là đúng trình tự thủ tục quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đơn kháng cáo của ông Lê Thanh Đ và bà Lê Thị L đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Trong quá trình giải quyết án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung:

[5.1] Về thủ tục tố tụng: Tại Đơn khởi kiện ngày 14/11/2017, ngày 14/12/2017 nguyên đơn xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, sinh năm 1975 là hàng thừa kế của ông Lê Văn L2. Tại Đơn xin xác nhận thành viên trong hộ ngày 10/10/2017, sơ yếu lý lịch của nguyên đơn ông Lê Thanh Đ ngày 11/10/2017 thể hiện bà Lê Thị M, sinh năm 1975 là hàng thừa kế của ông Lê Văn L2. Tòa án ra Thông báo thụ lý ngày 14/12/2017 cho bà Lê Thị M, sinh năm 1975 địa chỉ ấp B, xã B, huyện C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Biên bản không thực hiện được việc tống đạt ngày 15/02/2018 thể hiện bà M không có hộ khẩu tại địa chỉ trên. Tại Bản tự

khai bổ sung ngày 21/3/2018, nguyên đơn ông Đ xác định Lê Thị M là Lê Thị H1. Hợp đồng ủy quyền ngày 03/01/2018 bà Lê Thị H1, sinh năm 1975 ủy quyền cho ông Lê Minh Đ1.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền ngày 03/01/2018 cho rằng bà H1 đã ủy quyền cho ông Đ1, trong suốt quá trình tố tụng không tống đạt văn bản tố tụng nào cho bà H1 sinh năm 1975. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý yêu cầu độc lập ngày 11/4/2018, hòa giải, xét xử thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Thị H1, sinh năm 1964.

Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ hàng thừa kế của ông Lê Văn L2 là Lê Thị H1 hay Lê Thị M và sinh năm nào.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền ngày 03/01/2018 (bút lục 30) để xác định Lê Thị B, Đặng Thị N, Lê Thị H1, Lê Minh T3 đã ủy quyền cho Lê Minh Đ1 nên không tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho cụ B, N, H1, anh T3 là vi phạm. Hợp đồng ủy quyền trên hoàn toàn không có nội dung, điều khoản nào là ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án, mà chỉ tại Điều 2 của hợp đồng thể hiện nội dung, phạm vi ủy quyền là toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt các quyền sử dụng đất nêu trên bao gồm: tặng cho, nhận đặt cọc việc chuyển nhượng, chuyển nhượng, hủy bỏ việc chuyển nhượng; thế chấp, cầm cố; trao đổi, cho thuê, cho mượn và các quyền định đoạt liên quan khác và tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Đ1 cũng thừa nhận những người trên không có ủy quyền cho ông tại Tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất trình bày: Cụ Lê Văn L2 có hai người vợ là cụ Lê Thị B và cụ Nguyễn Thị H2, không có đăng ký kết hôn. Cụ L2 chết ngày 05/3/2005, cụ H2 chết ngày 19/8/2021, cụ Lê Thị B chết năm 2021. Cụ L2 và cụ B có 05 người con gồm: Ông Lê Văn T5 (chết năm 1973, không vợ con), ông Lê Bá T1, bà Lê Thị T2, ông Lê Minh Đ1, bà Lê Thị H1. Cụ L2 và cụ H2 có 02 người con gồm: Bà Lê Thị L và bà Lê Thị H3 (đã chết lúc nhỏ). Nếu căn cứ vào các người con thì cụ L2 với cụ B chung sống từ năm 1961, cụ L2 với cụ H2 chung sống 1982.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa cụ B vào tham gia tố tụng, không đưa cụ H2 vào tham gia tố tụng là có vi phạm nghiêm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án thì cụ B mới chết nhưng án sơ thẩm không đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ B tham gia tố tụng.

[5.2] Về nội dung: Tòa án sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ để xác định tài sản đang tranh chấp thừa kế là của cá nhân cụ L2, hay là tài sản chung của vợ chồng cụ L2 với cụ B, hay là của cụ L2 với cụ H2.

Cụ L2 chung sống với cụ B và cụ H2 đều trước ngày 03/01/1987 không có đăng ký kết hôn. Lẽ ra cấp sơ thẩm phải điều tra làm rõ hôn nhân giữa cụ L2 với cụ B và cụ L2 với cụ H2, hôn nhân nào là hợp pháp; thời điểm cụ L2 còn sống thì cụ L2 chung sống với ai, cụ H2 hay cụ B; xác định quan hệ hôn nhân nào đang còn tồn tại, quan hệ hôn nhân nào đã chấm dứt và chấm dứt từ thời điểm nào, lý do chấm dứt mới xác định mối quan hệ tài sản. Quan hệ hôn nhân của cụ

L2 với cụ H2 và cụ B được điều chỉnh theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 không có chế định tài sản riêng. Do đó cần phải làm rõ tài sản đang tranh chấp chia thừa kế là tài chung hay riêng của vợ chồng cụ L2 vì cụ L2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1994, nếu chung thì chung với người vợ nào mới có cơ sở giải quyết đúng, chính xác yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

Tại Đơn phản tố ngày 13/8/2019 của bị đơn ông Lê Minh Đ1, Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố ngày 13/8/2019, bị đơn phản tố yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 2791 diện tích 5393m^2 và thửa 2792 diện tích 925m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất "H"0H827 và "H"0H828 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2005 giữa ông Lê Minh Đ1 với ông Lê Văn L2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn hòa giải, xét xử bị đơn đều yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài liệu chứng cứ ông Đ1 cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là Tờ thỏa thuận ngày 02/02/1993 (chỉ là bản phô tô không rõ là tháng 2 hay tháng 3), ông Đ1 cho rằng cụ L2 đã chuyển nhượng cho ông Đ1 hai thửa đất tranh chấp hơn 4.000m^2 được quy ra giá vàng, một cây một công.

Tại Biên bản phiên tòa ngày 21/9/2022 phần trình bày yêu cầu phản tố của Luật sư thay cho bị đơn ông Đ1 thì Luật sư trình bày ông Đ1 yêu cầu phản tố là yêu cầu công nhận di sản theo di chúc của cụ L2 là hợp pháp, nhưng hoàn toàn không trình bày là di chúc nào của cụ L2.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Đ1 hoàn toàn không có lời trình bày hay yêu cầu gì về việc cụ L2 chết có để lại di chúc và có yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của cụ L2. Tòa án không có thụ lý, hòa giải hay công khai bất kỳ chứng cứ nào là ông Đ1 yêu cầu công nhận di chúc của cụ L2, ông Đ1 chỉ yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ L2 với ông Đ1. Ngay cả trong suốt phiên tòa sơ thẩm thể hiện tại Biên bản phiên tòa ngày 21/9/2022 (bút lục 211) thì ông Đ1 trình này cụ L2 không còn khả năng lao động nên đã lập Tờ thỏa thuận ngày 02/02/1993 nội dung bán cho ông 4,5 công đất bao gồm ruộng và vườn với giá một công 01 cây vàng. Trong suốt phiên tòa không có thể hiện gì là ông Đ1 có yêu cầu công nhận di chúc của cụ L2 và chứng cứ là bản di chúc nào.

Nhưng án sơ thẩm nhận định và quyết định: Căn cứ lời trình bày các đương sự tại phiên tòa, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thể hiện: Thửa 2791, thửa 2792 do cụ Lê Văn L2 đứng tên. Năm 1993, khi cụ L2 đã có vấn đề về sức khỏe, không có người nuôi dưỡng, chăm sóc, cụ L2 đã yêu cầu ông Lê Minh Đ1 về phụng dưỡng và lập giấy tay quyết định phần đất cụ đang có với nội dung *"Hiện nay tôi có vườn ruộng là bốn công, vì sức yếu tuổi già tôi không còn lao động nặng nữa. Hôm nay tôi có làm tờ ủy quyền cho con đang phục vụ và bảo lo cho tôi đang lúc tuổi già theo quy định số đất theo giá vàng là 1 công 1 cây tất cả là bốn công rưỡi nửa vườn, nửa ruộng và tài sản đều giao cho người phục vụ là người con thứ 6 tên Lê Minh Đ1*

được làm chủ quyền". Văn bản này thể hiện nội dung là bản di chúc có điều kiện. Ông Đ1 phải chu toàn nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng thì ông sẽ được hưởng phần đất cụ L2 đang có. Bản di chúc này có người làm chứng chứng kiến là ông Lê Bá T1, ông Lê Văn C, ông Lê Văn T6 và thời điểm lập di chúc cụ L2 vẫn còn minh mẫn. Căn cứ Điều 612, Điều 624, khoản 4 Điều 626, khoản 2 Điều 628, khoản 1 Điều 630 Hội đồng xét xử công nhận di chúc của cụ L2 đề ngày 02/02/1993 là hợp pháp. Việc án sơ thẩm công nhận di chúc của cụ L2 đề ngày 02/02/1993 là hợp pháp là vi phạm vì không có đương sự nào trình bày đây là di chúc của cụ L2 và yêu cầu công nhận.

Nội dung tờ giấy lập ngày 02/02/1993 không phải là di chúc mà là tờ ủy quyền sử dụng "được đứng chủ quyền" được trả bằng giá trị một cây vàng/một công đất cho người phục vụ. Nhưng án sơ thẩm lại nhận định là di chúc là sai với nội dung tranh chấp và yêu cầu phản tố ban đầu.

Đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đ1, ông Đ1 không có ý kiến nào là rút lại yêu cầu trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết như thế nào đối với yêu cầu trên trong bản án.

Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện là hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ1. Án sơ thẩm nhận định trong quá trình cấp đổi giấy đất, chính quyền địa phương có hướng dẫn cho ông Đ1 làm thủ tục khai nhận thừa kế sẽ không phải đóng thuế. Do đó, ông đã làm biên bản họp mặt gia đình ngày 09/4/2005 có chữ ký các anh, em trong gia đình và do ông Đ1 ký, ông Đ1 thừa nhận chữ ký ông Lê Thanh Đ, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị L là do ông ký và viết. Điều này phù hợp kết quả trưng cầu giám định. Đã thể hiện rõ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vi phạm do bị đơn giả mạo chữ ký. Nhưng án sơ thẩm lại không chấp nhận đây là di sản cụ L2 chết không có di chúc nên không cần xem xét quá trình cấp đất là có sai sót.

Do án sơ thẩm có nhiều vi phạm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, để đảm bảo hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Do hủy án nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh Đ, bà Lê Thị L.

[6] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông Lê Thanh Đ, bà Lê Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

1/ Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí: Ông Lê Thanh Đ, bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại ông Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016759 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại bà L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016774 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền